

Bản án số: 118/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hà Như Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Trọng.

2. Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Mai Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2021/HNST ngày 26 tháng 4 năm 2021, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Bà Trần Như M, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Đường T, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Như M trình bày:

Bà Trần Như M (viết tắt là bà M) và ông Phạm Văn V (viết tắt là ông V) tự nguyện kết hôn vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67/93, đăng ký ngày 16 tháng 12 năm 1993). Quá trình chung sống vợ chồng, bà M và ông V có 02 (hai) người con chung tên Phạm Trần P (nam), sinh ngày 06 tháng 10 năm 1994

và Phạm Trần Hoàng Ch (nữ), sinh ngày 30 tháng 01 năm 2003, không có tài sản chung và không có nợ chung.

Quá trình chung sống vợ chồng giữa bà M và ông V thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó, đôi bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù bà M và ông V đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục, tình cảm vợ chồng vì thế bị rạn nứt. Bà M và ông V đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Do vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng không hàn gắn được, hôn nhân đã không còn hạnh phúc nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông V.

Trường hợp ly hôn:

- Về con chung: 02 (hai) người con chung tên Phạm Trần P (nam), sinh ngày 06 tháng 10 năm 1994 và Phạm Trần Hoàng Ch (nữ), sinh ngày 30 tháng 01 năm 2003 đều đã trưởng thành, sống với ba hoặc mẹ tùy ý.

- Về tài sản chung: Bà M tự khai là bà và ông V không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà M tự khai là bà và ông V không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phạm Văn V được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là bà Trần Như M giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn V. Bị đơn là ông Phạm Văn V vắng mặt, không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Như M đối với ông Phạm Văn V; 02 (hai) người con chung tên là Phạm Trần P (nam), sinh ngày 06 tháng 10 năm 1994 và Phạm Trần Hoàng Ch (nữ), sinh ngày 30 tháng 01 năm 2003 đều đã trưởng thành. Bà M tự khai bà và ông V không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Bà M chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Trần Như M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn V có địa chỉ cư trú tại đường T, Phường 15 (nay là Phường 12), Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là ông Phạm Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Như M và ông Phạm Văn V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16 tháng 12 năm 1993, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 67/93. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông V là hợp pháp.

Bà M trình bày nguyên nhân bà xin ly hôn với ông V là do quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận vì bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã; mặc dù đã tự hòa giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt nên đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Thời gian sống ly thân, bà M và ông V mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông V đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải quan hệ hôn nhân, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông V đều vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến trình bày và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà M. Tại phiên tòa, bà M xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, nếu duy trì hôn nhân thì cũng không có hạnh phúc nên bà M vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông V.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà M và ông V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của bà M xin ly hôn với ông V là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 541 KST, quyển số 05/94, đăng ký ngày 15 tháng 11 năm 1994 tại Ủy ban nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy khai sinh số 27/2003, quyển số 01, đăng ký ngày 17 tháng 02 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định bà M và ông V có 02 (hai) người con chung tên Phạm Trần P (nam), sinh ngày 06 tháng 10 năm 1994 và Phạm Trần Hoàng Ch (nữ), sinh ngày 30 tháng 01 năm 2003, hiện nay đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà M tự khai là bà và ông V không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà M tự khai là bà và ông V không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà M chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Như M:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Như M được ly hôn với ông Phạm Văn V.

- Về con chung: 02 (hai) người con chung tên là Phạm Trần P (nam), sinh ngày 06 tháng 10 năm 1994 và Phạm Trần Hoàng Ch (nữ), sinh ngày 30 tháng 01 năm 2003 đều đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Trần Như M tự khai bà và ông Phạm Văn V không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Trần Như M tự khai bà và ông Phạm Văn V không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Trần Như M chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0036490 ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo :

Bà Trần Như M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- UBND Phường 12, Quận 5 (Giấy chứng nhận kết hôn số 67/93, đăng ký ngày 16/12/1993);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hà Như Oanh